



zhí gōng

职工

Noun · workers; staff

Example Sentences

zhè jiā gōng sī de zhí gōng fú lì fēi cháng hǎo
这家公司的职工福利非常好。

The employee benefits at this company are very good.

tā yì biān zài zhí gōng zuò yì biān xué xī xīn jì néng
她一边在职工工作，一边学习新技能。

She is working while also learning new skills.

Trace each character, then write the word on your own.

职	职	职	职	职	职	职	职	职	职	职
职	职	职								

工	工	工	工	工	工					
